TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2019/DS-ST
Ngày: 29/8/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Bà Lê Thị Vân

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2019/TLST-DS, ngày 10/7/2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐST-DS, ngày 08/8/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1978. Địa chỉ: xã PM, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977 và ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà N, bà H có mặt. Ông T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà H và ông T có vay tiền của bà 3 lần tổng cộng 95.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 30/02/2017 (âm lịch) bà có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện X số tiền 200.000.000 đồng và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha bà là ông Nguyễn Văn C đứng tên. Sau đó, bà lấy tiền này cho bà H vay lại 50.000.000 đồng. Bà H kêu con trai tên Hồ Thanh Th đến nhà bà lấy tiền, lãi suất thỏa thuận

1%/tháng. Thời hạn vay các bên thỏa thuận khi nào bà trả 200.000.000 đồng cho Ngân hàng thì bà H sẽ trả lại cho bà 50.000.000 đồng. Bà H nói vay tiền để tô nhà. Ngày 16/6/2019, bà có yêu cầu bà H trả bà số tiền 50.000.000 đồng để bà trả nợ Ngân hàng nhưng bà H không trả. Từ khi vay đến nay, bà H có trả cho bà vài lần tiền lãi theo lãi suất ngân hàng nhưng bà không nhớ là bao nhiêu. Bà H có làm giấy vay tiền do bà H ghi và ký tên.

Khoản vay thứ hai: Ngày 15/4/2017 (âm lịch) bà H có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay bà H hẹn đến ngày 20/10/2018 trả cho bà. Bà H kêu con trai tên Hồ Thanh Thiện đến nhận số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay, bà H nói mục đích vay tiền để bà H trả nợ. Từ khi vay đến nay, bà H chưa trả được cho bà khoản tiền nào. Khi vay không làm giấy vay nhưng bà H có ghi vào sổ của bà nội dung:

"H có mượn chị 8 L

Hôm nay 15-4-2017

20.000 triệu chẳn

H"

Khoản vay thứ ba: Ngày 04/9/2018 (âm lịch) bà H có vay của bà số tiền 25.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến tháng 10/2018. Bà H kêu con tên Hồ Thanh Th đến nhận số tiền 25.000.000 đồng. Đến nay, bà H không trả tiền cho bà. Khi vay bà H nói vay tiền để bà H giao hụi cho người khác. Khi vay không làm giấy vay nhưng bà H có ghi vào sổ của bà nội dung:

"H có mượn chị 8 L

Hôm nay ngày 4-9-2018

Số tiền 25.000.000 triệu chẳn

20-10 tháng 10 trả

H"

Do là chị em trong nhà nên bà H không trả tiền đúng hẹn nhưng bà vẫn cho vay tiếp. Đến ngày 06/7/2019, bà H có ghi lại cho bà giấy vay do bà H viết và ký tên, để gút lại tổng số tiền bà H, ông T con nợ bà là 95.000.000 đồng, hẹn ngày 20/10/2018 trả. Theo bà thì số tiền bà H vay của bà 50.000.000 đồng thì ông T biết vì bà H nói vay tiền để tô nhà. Còn hai khoản vay sau là 20.000.000 đồng và 25.000.000 đồng thì bà không biết là ông T có biết hay không. Nay bà yêu cầu bà H và ông T liên đới trả bà 95.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Việc ông T cho rằng bà và bà H ghi nợ khống là không đúng. Những gì bà trình bày hoàn toàn là sự thật. Nay ông T nộp đơn xin ly hôn với bà H mà không

chịu liên đới với bà H trả nợ mà còn vu khống cho bà. Những lần Tòa án mời ông T tại sao lại tránh mặt không ra giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà thừa nhận có vay của bà N tổng số tiền là 95.000.000 đồng. Về thời gian vay tiền như bà N trình bày là đúng. Đối với số tiền 50.000.000 đồng thì ông T có biết vì khi vay bà có nói ông T biết vay tiền để tô nhà, còn đối với hai khoản vay 20.000.000 đồng và 25.000.000 đồng thì ông T không biết. Khi vợ chồng còn thuận thảo, bà cũng có nói với ông T về số tiền này. Bà đồng ý trả cho bà N số tiền 95.000.000 đồng.

Việc bà vay tiền để sử dụng chung trong gia đình, chăm lo con cái, nhà cửa, hụi. Ông T đã nộp đơn ly hôn với bà tại Tòa án huyện X nên bà thống nhất với bà N là ông T phải có trách nhiệm liên đới với bà để trả nợ vay cho bà N.

** Bị đơn ông T trình bày tại bản tự khai ngày 26 và ngày 28/8/2019 có nội dung như sau:*

Ông là thợ hồ từ năm 2000 cho đến nay, thu nhập bình quân 40.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, ông còn canh tác 02 ha ruộng thu nhập một vụ lúa khoảng 40.000.000 đồng, tích góp xây nhà năm 2014. Năm 2017, ông còn nhận chuyển nhượng 01 ha đất thửa số 236, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã MA, huyện X, nên không có việc vay tiền ai xây nhà. Nhiều năm nay, bà H gây nợ trên 1 tỷ nhưng ông không biết nguyên nhân. Ông đã chuyển nhượng đất để trả nợ nhưng bà H tiếp tục gây nợ bằng việc chơi hụi, cầm xe, vay tiền xã hội đen. Bà H sử dụng tiền vào mục đích cá nhân. Bà H không chăm lo cho con cái, gia đình. Bà hâm dọa các con không khai theo bà thì bị đuổi khỏi nhà, bỏ đói. Các khoản vay giữa chị em bà H là người trong gia đình, phe phái muốn ghi bao nhiêu mà không được. Cuộc sống gia đình ông ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Ông đã bỏ sang nhà chị ruột sinh sống hơn 1 năm nay. Do đó, ông không đồng ý liên đới trả nợ với bà H. Ông T có nộp bản tự khai của bà Hồ Thị Ngọc L là chị ruột của ông T có nội dung như ông T trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án chỉ nộp bảng tự khai, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà N và bà H thống nhất về quá trình diễn biến của 3 lần vay tiền nêu trên. Bà H còn nợ bà N tổng cộng 95.000.000 đồng gồm khoản vay thứ nhất ngày 30/02/2017 (âm lịch) là 50.000.000 đồng, khoản vay thứ hai ngày 15/4/2017 (âm lịch) là 20.000.000 đồng, khoản vay thứ ba ngày 04/9/2018 (âm lịch) là 25.000.000 đồng, tổng cộng là 95.000.000 đồng. Đến hẹn trả nợ nhưng bà H không trả tiền cho bà N các khoản vay trên do khó khăn về kinh tế, làm ăn thua lỗ.

Xét thấy, bà H vay tiền của bà N nhưng không trả như đã thỏa thuận. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Bà N xác định bà H có trả cho bà vài lần tiền lãi trên số tiền 50.000.000 đồng để bà trả lãi cho ngân hàng, nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu. Khoản vay 20.000.000 đồng thì lãi suất 3% nhưng bà H không trả lãi. Khoản vay 25.000.000 đồng thì không lãi suất. Bà N và bà H không nhớ số tiền lãi bà H đã trả là bao nhiêu, không tranh chấp gì về số tiền lãi đã trả nên Tòa án không xem xét, điều chỉnh. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu bà H và ông T trả 95.000.000 đồng tiền vay gốc, không yêu cầu lãi suất là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về nghĩa vụ trả nợ vay: Bà N yêu cầu ông T phải liên đới với bà H trả nợ vay cho bà. Lý do, việc vay tiền giữa bà và bà H, ông T biết. Tiền bà H vay đem về lo kinh tế gia đình, con cái. Ông T và bà H có tài sản để trả nợ cho bà.

Ông T không đồng ý liên đới trả nợ với bà H vì ông cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nên nợ. Bản thân ông có công việc ổn định, thu nhập bình quân 40.000.000 đồng/tháng, thu nhập 02 ha đất lúa một vụ khoảng 40.000.000 đồng. Năm 2017, ông còn nhận chuyển nhượng 01 ha đất thì không thể có việc để thiếu tiền phải vay mượn, nợ hụi. Ông đã bán một phần đất trả nợ cho bà H hơn 1

tỷ, nhưng nay bà H vẫn còn nợ nên không đồng ý liên đới với bà H trả nợ cho bà N.

Xét thấy, các khoản vay của bà H diễn ra từ năm 2017, 2018 khi hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại. Ông T không chứng minh được bà H sử dụng tiền vay này vào mục đích cá nhân. Theo Luật hôn nhân và gia đình đã quy định tại Điều 19 như sau "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...." đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ. Khi mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại, ông T phải quan tâm đến việc của bà H làm để biết cuộc sống gia đình như thế nào mà có biện pháp giải quyết. Nay ông T cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nợ, nghi ngờ bà H sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, phi pháp, đây là nợ khống thì không liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của anh Hồ Thanh Th ngày 08/8/2019 là con ruột sống cùng nhà của ông T, bà H là người đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hiểu rõ nhất hoàn cảnh gia đình đã xác định có thấy ông T nói chuyện với các chủ nợ, trong đó có bà N và ông T biết về việc chơi hụi, vay tiền của bà H. Các khoản vay tiền, hụi của bà H và ông T thì ông không có liên quan gì. Do đó, ông T không chứng minh được việc bà H sử dụng tiền hụi vào mục đích cá nhân. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014, ông T phải có trách nhiệm liên đới với bà H trả cho bà N 95.000.000 đồng.

Từ các phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà H, ông T như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X. Buộc bà H, ông T liên đới trả cho bà N số tiền 95.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Thị H, ông T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 95.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà Nguyễn Thị H, ông T phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H, ông T phải liên đới chịu 4.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.380.000 đồng theo biên lai thu số 0004569, ngày 10/7/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh Long An;*
- *THA, VKS huyện X;*
- *Các đương sự;*
-*Lưu AV, HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng